



Hướng dẫn lựa chọn con lăn băng tải

SUNWARM IMPORT & EXPORT

Giới thiệu công ty



SUNWARM Import & Export giới thiệu con lăn băng tải và phụ kiện. Hướng dẫn này trình bày các loại sản phẩm và thông số lựa chọn. Liên hệ Fuxing để hỏi thông tin và nhận báo giá.

CON LĂN

CHO BĂNG TẢI

LỰA CHỌN

THÔNG SỐ SẢN PHẨM



Thông số kỹ thuật



Nhà xưởng



Dây chuyền sản xuất



Phòng thí nghiệm



Dòng sản phẩm



Con lăn đỡ tải

- Đỡ băng tải và vật liệu
- Đỡ nhánh băng mang tải và vật liệu để vận hành ổn định.



Con lăn giảm chấn

- Hấp thụ va đập
- Giảm va đập của vật liệu rơi tại điểm nạp và bảo vệ băng tải.



Con lăn hồi băng

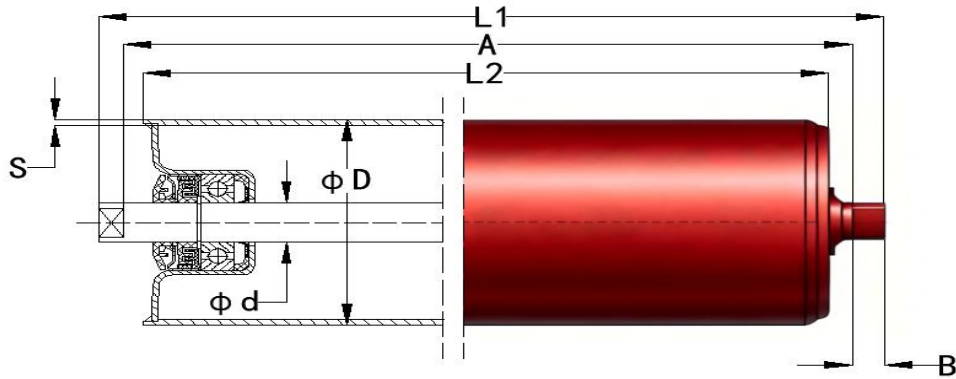
- Đỡ nhánh hồi băng
- Đỡ nhánh băng không tải. Kết cấu đặc biệt hỗ trợ căn chỉnh hoặc làm sạch.



Bộ con lăn lòng máng

- Tạo lòng máng
- Một con lăn giữa và hai con lăn bên tạo lòng máng, tăng năng suất và giảm rơi vãi.

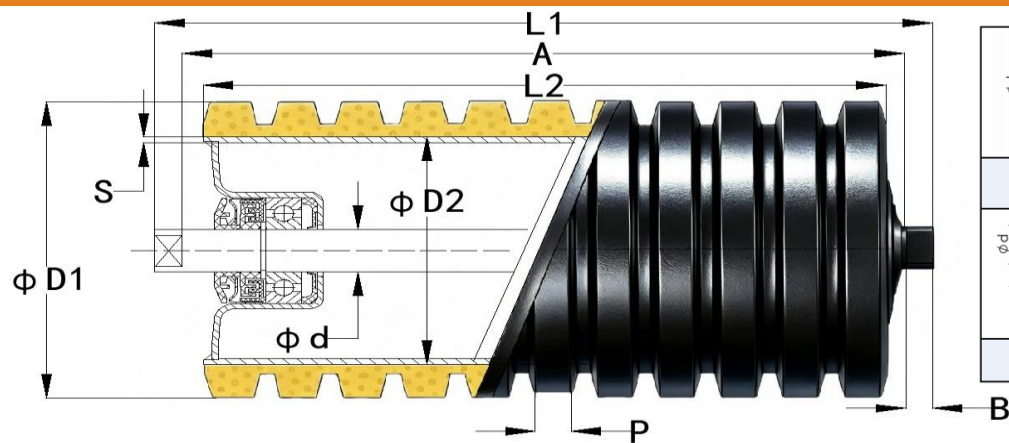
Con lăn đỡ tải



OB (without work)	SW (open flat)	QU (cross bore)	QU+SW (cross bore + open flat)
GSW (closed flat)	IG (internal thread)	AG (external thread)	ZP (machined stub)

Đường kính con lăn D (mm)	Đường kính trục d (mm)	Mã ổ bi	Chiều dài L2 (mm)	Độ dày thành S (mm)	Giá (USD)
60-89 (2"-3")	17-20	6203-6204	200-800	1.75-3	\$4.00-\$20
89-108 (3"-4")	20-30	6204-6306	200-800	3-3.5	\$6.00-\$30
108-133 (4"-5")	25-40	6305/6308	300-1500	3.5-4.5	\$8.00-\$40
133-159 (5"-6")	40-50	6308/6310	500-1500	4.5-6.0	\$10.00-\$60
159-219 (6"-8")	50-60	6310/6312	500-2000	6.0-8.0	\$15.00-\$100

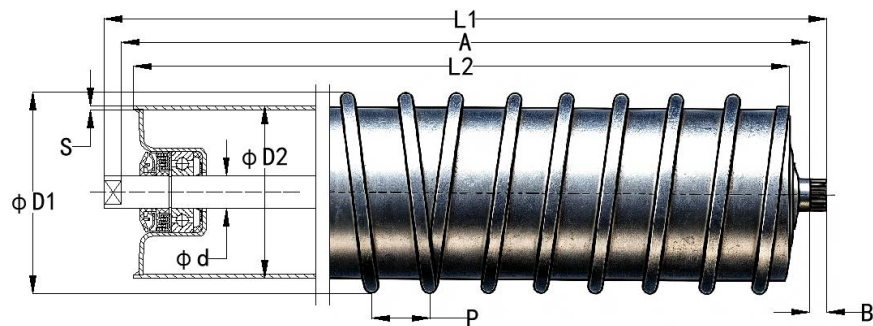
Con lăn giảm chấn



OB (without work)	SW (open flat)	QU (cross bore)	QU+SW (cross bore + open flat)
GSW (closed flat)	IG (internal thread)	AG (external thread)	ZP (machined stub)

Đường kính ngoài ống D2 (mm)	Đường kính ngoài vòng cao su D1 (mm)	Đường kính trục d (mm)	Mã ổ bi	Chiều dài L2 (mm)	Độ dày thành S (mm)	Giá (USD)
60-89 (2"-3")	89-108 (3"-4")	17-20	6203-6204	200-800	1.75-3	\$8.00-\$30
89-108 (3"-4")	108-133 (4"-5")	20-30	6204-6306	200-800	3-3.5	\$12.00-\$40
108-133 (4"-5")	133-159 (5"-6")	25-40	6305/6308	300-1500	3.5-4.5	\$16.00-\$60
133-159 (5"-6")	159-219 (6"-8")	40-50	6308/6310	500-1500	4.5-6.0	\$20.00-\$100

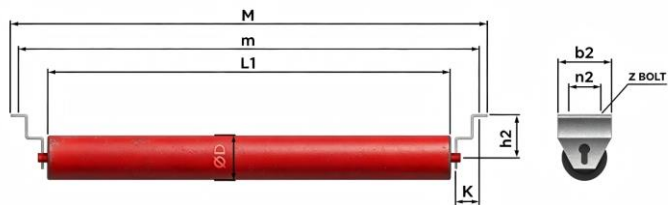
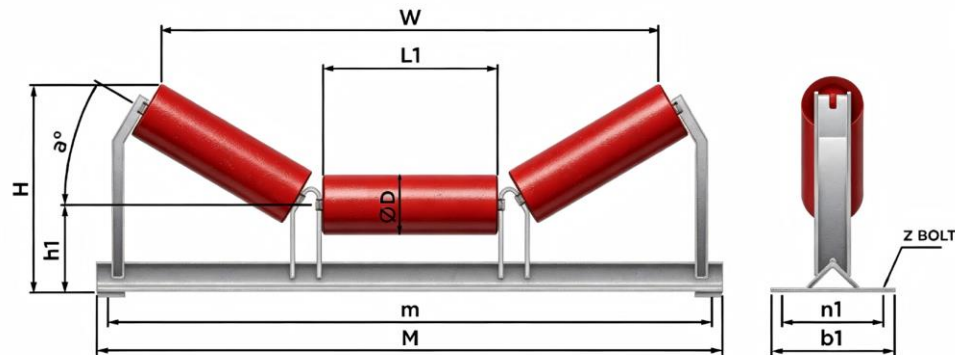
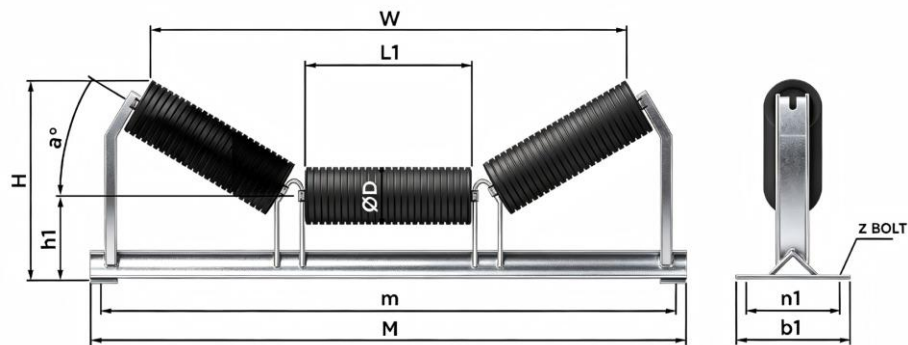
Con lăn hồi bằng



OB (without work)	SW (open flat)	QU (cross bore)	QU+SW (cross bore + open flat)
GSW (closed flat)	IG (internal thread)	AG (external thread)	ZP (machined stub)

Đường kính con lăn D (mm)	Đường kính trục d (mm)	Mã ổ bi	Chiều dài L2 (mm)	Độ dày thành S (mm)	Giá (USD)
60-89 (2"-3")	17-20	6203-6204	200-1200	1.75-3	\$4.00-\$30
89-108 (3"-4")	20-30	6204-6306	200-1500	3-3.5	\$6.00-\$50
108-133 (4"-5")	25-40	6305/6308	300-1800	3.5-4.5	\$8.00-\$80
133-159 (5"-6")	40-50	6308/6310	500-2000	4.5-6.0	\$12.00-\$100

Bộ con lăn lòng máng



BW	$\varnothing D$	L1	M	m	α	Z
400-750	63-108	150-280	700-1100	650-1050	15°-45°	M12
750-1000	89-133	280-350	1100-1300	1050-1250	15°-45°	M12
1000-1400	108-159	350-500	1300-1800	1250-1740	15°-45°	M12-M16
1400-2000	133-219	500-800	1800-2500	1740-2440	15°-45°	M16-M20

Xử lý bề mặt và vật liệu



Sơn phun

- Môi trường: trong nhà khô ráo
- Chống ăn mòn: bảo vệ cơ bản



Sơn tĩnh điện

- Môi trường: ngoài trời / ẩm / ăn mòn nhẹ
- Chống ăn mòn: tốt



Mạ kẽm nhúng nóng

- Môi trường: ẩm / ven biển / ăn mòn
- Chống ăn mòn: cao



Thép không gỉ

- Chọn mác vật liệu theo điều kiện sử dụng
- Khả năng chống ăn mòn phụ thuộc mác vật liệu

Có thể tùy chỉnh màu theo yêu cầu

Con lăn khác và phụ kiện



Con lăn ít tiếng ồn



Con lăn bọc cao su



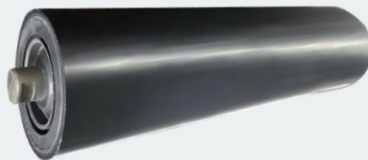
Con lăn dạng lược



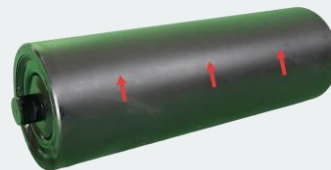
Con lăn tự căn chỉnh



Con lăn thép không gỉ



Con lăn PVC



Con lăn một chiều



Giá đỡ con lăn

Liên hệ SUNWARM

Điện thoại +8613176777575

Email fuxing@sunwarmexport.com

Website <https://sunwarmexport.com>

Liên hệ Fuxing

